

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH HÀ GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2019/HS-ST

Ngày 22/01/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đỗ Thị Kim Quy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Xuân Thắm

2. Bà Nguyễn Thị Tuyết

Thư ký phiên toà: Bà Đặng Thảo Trang - Thư ký viên Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Trần Kha - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 01/2019/TLST-HS ngày 04 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2019/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 01 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Đình N; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 07 tháng 01 năm 1979 tại tỉnh Hà Giang; Nơi thường trú: Tổ 7, thị trấn V, huyện V, tỉnh Hà Giang; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Đình H, sinh năm 1947 và bà Nguyễn Thị N, đã chết; Vợ: Hoàng Thị D, sinh năm 1978 (đã ly hôn); Con: có 01 con, sinh năm 2011; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Có 2 Bản án: Bản án số: 436/HSST ngày 28/10/2004 của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội xử phạt 24 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy; Bản án số 47/HSST ngày 14/7/2016 của Tòa án nhân dân huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ xét xử về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy nhưng được miễn trách nhiệm hình sự do có sự chuyển biến của tình hình, sự thay đổi về chính sách pháp luật; Bị xử phạt vi phạm hành chính 01 lần vào ngày 22/10/2012 với số tiền 1.500.000đ về hành vi Tàng trữ, vận chuyển hoặc chiếm đoạt chất ma túy trái phép nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 21 Nghị định 73/2010

ngày 12/7/2010 của Chính phủ; Bị bắt, tạm giam ngày 27 tháng 10 năm 2018. Có mặt.

- *Bị hại*: Anh Nguyễn Hải M

Trú tại: Tổ 13, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Anh Nguyễn văn P

Trú tại: Thôn T, xã P, thành phố H, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người làm chứng*: Ông Đỗ Mạnh H. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bà Trần Thị L. Vắng mặt.

Chị Phạm Thị H. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 27 tháng 10 năm 2018, Nguyễn Đình N, sinh ngày 07/01/1979; trú tại: Tổ 7, thị trấn V, huyện V, tỉnh Hà Giang một mình mượn xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA-SIRIUS màu đỏ đen, biển kiểm soát 23B1-326.15 của Nguyễn văn P, sinh năm 1992; Trú tại: Thôn T, xã P, thành phố H, tỉnh Hà Giang, là thợ lợp mái tôn cho gia đình N, mục đích lên thành phố H, tỉnh Hà Giang tìm mua ma túy để sử dụng. Khi đến công bến xe khách thành phố H, tỉnh Hà Giang, N gặp một người đàn ông tên T (không biết rõ tên tuổi, địa chỉ) nhờ T mua ma túy (heroin) với số tiền 300.000 đồng để sử dụng. Khi mua được ma túy, N điều khiển xe mô tô đến hiệu thuốc gần công Bệnh viện đa khoa tỉnh Hà Giang mua 01 xi lanh, 01 ống Novocain rồi đi vào phòng vệ sinh tầng 2 khoa ngoại Bệnh viện đa khoa tỉnh Hà Giang để sử dụng ma túy. Sau khi sử dụng ma túy xong, N nảy sinh ý định đi xem có ai có tài sản sơ hở để trộm cắp. N đi quan sát lần lượt các buồng bệnh từ tầng 1 của khoa lão khoa, khi đến khu vực tầng 2 thì phát hiện buồng bệnh thứ 4 cửa hé mở. N tiến về phía cửa, ngó vào trong buồng bệnh thấy 02 người đang nằm ngủ, tại giường số 25 có anh Nguyễn Hải M, trú tại: tổ 13, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang đang ngủ quay mặt vào phía trong, phía trên đầu giường có 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 5S màu trắng, ốp lưng màu đen. N đẩy cửa đi vào giường anh M, dùng tay phải cầm chiếc điện thoại di động trên rồi đi lùi ra phía cửa. Khi N lùi đến gần cửa thì anh M tỉnh dậy phát hiện, anh M hỏi: “Mày làm gì đấy?”, N không nói gì mà tiến lại gần giường anh M nằm đặt trả chiếc điện thoại vừa trộm cắp được xuống cuối giường. M đứng dậy nói tiếp: “Mày ăn cắp à?” đồng thời giữ N lại hô hào mọi người đến hỗ trợ bắt giữ.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 57 ngày 31 tháng 10 năm 2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố H, tỉnh Hà Giang kết luận: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 5S màu trắng, đã qua sử dụng, số IMEI 355677071982231 có giá trị 2.000.000 đồng; 01 vỏ ốp điện thoại di động IPHONE 5S bằng nhựa màu đen đã qua sử dụng có giá trị 50.000 đồng; 01 sim điện thoại di động nhãn hiệu Vinaphone đã qua sử dụng có giá trị 25.000 đồng. Tổng giá trị tài sản mà N trộm cắp của anh M là 2.075.000đ (Hai triệu không trăm bảy lăm nghìn đồng).

Tại Cáo trạng số 03/CT-VKSTPHG ngày 04/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang đã truy tố Nguyễn Đình N về tội: Trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo N đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng mà đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang đã nêu. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì bị cáo đã ly hôn, bố bị cáo hiện nay ở một mình lại bị tai biến, đi lại sinh hoạt hết sức khó khăn, cần sự giúp đỡ của bị cáo.

Người bị hại anh Nguyễn Hải M vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh M đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho N vì giá trị tài sản không lớn, tạo cơ hội cho N được sửa chữa lỗi lầm. Về trách nhiệm dân sự: anh M đã nhận lại chiếc điện thoại mà N trộm cắp nên anh không yêu cầu N phải bồi thường gì cho anh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn P vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt. Chiếc xe máy mà N mượn của anh, cơ quan điều tra đã trả lại cho anh nên anh không có đề nghị bị cáo N phải bồi thường gì.

Người làm chứng ông Đỗ Mạnh H, bà Trần Thị L, chị Phạm Thị H đều vắng mặt tại phiên tòa. Ông H, bà L, chị H đều giữ nguyên lời khai tại cơ quan điều tra.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang sau phần xét hỏi và tranh luận vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đình N phạm tội Trộm cắp tài sản;

Về hình phạt: áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Đình N từ 06 đến 09 tháng tù.

Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo do bị cáo không có việc làm ổn định.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại M, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan P đã nhận lại tài sản nên không yêu cầu bị cáo phải bồi thường.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, trả lại cho bị cáo những tài sản sau:

- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu FPT màu đen, số IMEI 1: 980011007290589, IMEI 2: 980011007371389;

- 01 chiếc ví giả da màu đen, đã qua sử dụng.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo thực hiện quyền lời nói sau cùng trước khi Hội đồng xét xử nghị án: Bị cáo rất hối hận về hành vi của bản thân. Bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt để bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm của mình và để chăm sóc bố bị cáo hiện bị tai biến, đang sinh sống một mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đều được thực hiện trình tự, thủ tục theo đúng quy định của pháp luật, không có khiếu nại, tố cáo. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang đã nêu. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của chính bị cáo tại cơ quan Điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, các tài liệu chứng cứ khác được thu thập và lưu trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã có đủ cơ sở kết luận vào khoảng 12 giờ 45 phút ngày 27/10/2018, Nguyễn Đình N đã có hành vi trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 5S của anh Nguyễn Hải M, tổng trị giá 2.075.000đ (Hai triệu không trăm bảy lăm nghìn đồng)

Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ, đúng người đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo thấy: Bị cáo đã bí mật đột nhập vào phòng bệnh nhân ở bệnh viện để trộm cắp tài sản. Tội phạm được thực hiện với lỗi cố ý. Hành vi phạm tội của bị cáo gây ra đã cố ý trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội, vì vậy cần phải xử lý nghiêm.

Bị cáo là người nghiện ma túy, nhân thân xấu: Có 2 Bản án, bị xử phạt vi phạm hành chính 01 lần đều về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Bị cáo không lấy đó làm bài học kinh nghiệm, với bản tính ăn chơi, lười lao động, bị cáo không tự mình lao động để sinh sống mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội.

[4] Về tình tiết định khung tăng nặng: Không có.

Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo. Người bị hại có đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo do vậy, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5].Hội đồng xét xử xét thấy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, đồng thời có tác dụng răn đe phòng ngừa chung.

Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6]. Về người đàn ông đã bán ma túy cho bị cáo N không xác định được lai lịch nên không xem xét trách nhiệm trong vụ án này.

Người cho bị cáo N mượn xe máy anh Nguyễn Văn P không biết bị cáo mượn xe để đi thực hiện hành vi phạm tội nên cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe máy cho anh P là đúng quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về vật chứng của vụ án:

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, trả lại cho bị cáo những tài sản sau:

- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu FPT màu đen, số IMEI 1: 980011007290589, IMEI 2: 980011007371389, nhưng tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án;

- 01 chiếc ví giả da màu đen, đã qua sử dụng;

(Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa công an thành phố H, tỉnh Hà Giang và Chi cục thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Hà Giang ngày 15/01/2019).

[8] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, công an thành phố H, tỉnh Hà Giang đã trả lại tài sản cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Nguyễn Hải M theo Quyết định xử lý vật chứng số: 01/QĐ-CQĐT ngày 27/11/2018. Sau khi nhận lại tài sản, anh M không có đề nghị gì. Xét việc trả lại vật chứng của công an thành phố H, tỉnh Hà Giang là đúng quy định của pháp luật. Anh M không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự; điểm a khoản 3 Điều 106, Điều 135, 136, Điều 331 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đình N phạm tội Trộm cắp tài sản;

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình N 07 (Bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt (ngày 27/10/2018).

- Về vật chứng:

Trả lại cho bị cáo những tài sản sau:

- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu FPT màu đen, số IMEI 1: 980011007290589, IMEI 2: 980011007371389;

- 01 chiếc ví giả da màu đen, đã qua sử dụng;

(Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa công an thành phố H, tỉnh Hà Giang và Chi cục thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Hà Giang ngày 15/01/2019).

- Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Đình N phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7^a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Vụ án được xét xử công khai, bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao Bản án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- TAND tỉnh Hà Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- Trại tạm giam công an tỉnh Hà Giang;
- VKSND TPHG;
- Cơ quan Điều tra Công an TPHG;
- UBND TT V, V, HG;
- Cơ quan THAHS Công an TPHG;
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục THADS TPHG;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Kim Quy